Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 12.06.2019 15:06:47 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

Số: 700 /GCN-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần kiểm định khảo sát xây dựng Việt Á và Biên bản đánh giá ngày 07 tháng 6 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần kiểm định khảo sát xây dựng Việt Á

Địa chỉ trụ sở chính: Số 32G đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200687004

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 2B đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 495**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định: Số 137/QĐ-BXD ngày 28 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần kiểm định khảo sát xây dựng Việt Á;
- Sở XD Tp. Hải Phòng;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 495

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 700 /GCN-BXD, ngày 12/ tháng 6 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030 :2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; AASHTO-T106
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn (TCVN 6017:2015),thời gian đông kết (TCVN 8875:2012) và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng (TCVN8876:2012)	TCVN 6017 :2015; AASHTO-T197 TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012
4	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:1995
5	Xác định độ nở sun phát	TCVN 6080:2004
6	Xác định độ trắng	TCVN 5691:2000
7	Xác định độ nở Autoclave	TCVN 6080:2004
	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
8	Xác định độ sụt của hỗn hợp BT	TCVN 3106:1993; AASHTO-T119
9	Xác định độ cứng vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:1993
10	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp BT nặng	TCVN 3108:1993; AASHTO-T121
11	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp BT	TCVN 3109:1993
12	Phân tích thành phần hỗn hợp BT	TCVN 3110:1993
13	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993; ASTM-C57
14	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
15	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; AASHTO-T121
16	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:1993
17	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; AASHTO-T22
18	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; AASHTO-T97
19	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:1993
20	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:1993
21	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
22	Thử độ co	TCVN 3117:1993
23	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi nén tĩnh	TCVN 5276 : 1993
24	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239 : 2006
	Thử nghiệm cơ lý cốt liệu cho bê tông và vữa	
25	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06;AASHTO-T27, T37
26	Xác định thành phần thạch học của cốt liệu	TCVN 7572-3 : 2006
27	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO-T19, T191, T205, T233, T238
28	Xác định khối lượng riêng , khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
29	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TCVN 7572-6:06; AASHTO-T19
30	Xác định đổ ẩm	TCVN 7572 -7:06; AASHTO-T142
31	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; AASHTO-T112, T11, T176
32	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO-T21
33	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
34	Xác dịnh độ nén dập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
35	Xác định độ hao mòn Los Angeles (LA)	TCVN 7572-12:2006
36	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
37	Xác định khả năng phản ứng kiềm - Silic	TCVN 7572-14:2006

38	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006
39	Xác định hàm lượng Sunfat và Sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
40	Xác hiện hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:06;AASHTO-T112
41	Xác hiện hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
42	Xác định hàm lượng mi ca	TCVN 7572-20:2006
43	Xác định hệ số ES	ASTM D2419-91; AASHTO-176
44	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
45	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012; ASTM 1883-99
	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
46	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO-T176
47	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO-T265; ASTM-2216
48	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO-T89; 90; ASTM-D4318
49	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; AASHTO-T72; ASTM-C136
50	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; AASHTO-T99; ASTM-D1556
51	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
52	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
53	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
54	Xác định tính nén lún điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; AASHTO-T216, T297
55	Xác định các chỉ tiêu của đất trên má nén 3 trục (UU,Cu,CD,CV)	TCVN 8868:2011; ASTM D280:1995
56	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:2001
57	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12; ASTM D2434:00
58	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	ASTM D2579:1978
59	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
60	Đặc trưng co ngót của đất sét	AASHTO T92:88
61	XĐ tổng hàm lượng, hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan	TCVN 8727:2012
62	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
	Thử nghiệm cơ lý đá trong phòng	
63	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014
64	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 10322:2014
65	Xác định độ bền cắt	TCVN 10323:2014
66	Xác định độ bền nén	TCVN 10324:2014
	Kiểm tra kim loại, hàn, kết cấu thép	
67	Thử kéo	TCVN 197-1:14; ASTM A370-02
68	Thử uốn	TCVN 198:2008
69	Thử uốn thép đai	TCVN 6287:1997
70	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010
71	Kiểm tra chất lượng hàn cống -thử nén dẹt	TCVN 5402 :2010
72	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử kéo	TCVN 5403:91; AASHTO T244-90
73	Kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000; ASTM D1,1
74	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực	TCVN 7937:2009
75	Kiểm tra lớp phủ mạ kẽm vật liệu kim loại	TCVN 5026:2010
76	Kéo nhổ thép tại hiện trường + bu lông	ASTM E1512
77	Kiểm tra không phá hủy phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:1996
78	Lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng trên bề mặt gang thép	TCVN 5408:2007
79	Phương pháp thí nghiệm xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:2007
80	Tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:1995

81	Thép cốt bê tông mối nối bằng ren	TCVN 8163:2009
82	Thép cốt bê tông mối nối bằng dập ép ống	TCVN 9390:2012
83	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép	TCVN 9391:2012
84	Phương pháp kiểm tra chất lượng ống thép – Thử nén bẹp	ASTM A370:2011
85	Ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
86	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
87	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử nghiệm bê tông nhựa	
88	Xác định độ ổn định, độ dẻo marshll	TCVN 8860-1:11, AASHTO-T245
89	Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
90	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
91	XĐ tỷ trọng lớn nhất,khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
92	XĐ tỷ trọng trong khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái	TCVN 8860-5:2011
93	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
94	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11;AASHTO T304-96
95	Xác định độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
96	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
97	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
98	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
99	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11; AASHTO T245-97
100	Thiết kế hỗn hợp BTN theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:11; 858/QĐ-BGTVT
	Thử nghiệm nhựa bitum	
101	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; AASHTO-T49
102	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; AASHTO-T51
103	Xác định nhiệt độ hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO-T53
104	XĐ điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; AASHTO-T48
105	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt 5h ở ở 163°C	TCVN 7499:2005; AASHTO-T47
106	Xác định hàm lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005
107	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
108	Xác định độ bám dính của đá	TCVN 7504:2005
109	Xác định độ nhớt động học ở 135°C	TCVN 7502:2005
110	Xác định hàm lượng parafin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
	Thử nghiệm nhựa đường lỏng	
111	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
112	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
113	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
114	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
	Thử nghiệm vật liệu bột khoáng trong Bê tông nhựa	
115	Kiểm tra hình dáng bên ngoài, thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung, hàm lượng nước, khối lượng riêng	22TCN 58:1984
116	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất, hệ số háo nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984
117	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
118	Xác định độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
119	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
	Thử nghiệm hiện trường	
120	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71
121	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; AASHTO-T191
122	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22 TCN 335:06; ASTM D2573:94

123	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-92
124	Xác định mô đun đàn hồi của đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sữ dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ASTM D1556
125	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
126	Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng (mặt đường ô tô) theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
127	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; AASHTO-T278
128	Xác định mô đun đàn hồi E chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO-T256
129	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012
130	Phương pháp thử không phá hủy xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm, súng bật	TCVN 9335:2012
131	Phương pháp thí nghiệm cấu kiện gia tải kết cấu bê tông và bê tông đức sẵn để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
132	Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn bằng PP điện thế	TCVN 9348:2012
133	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
134	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012; ASTM D5778
135	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
136	PP điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ ,vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
137	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
138	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
139	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012
140	Cọc- PP thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
141	Cọc khoan nhồi- XĐ tính đồng nhất của bê tông -PP xung siêu âm	TCVN 9396:2012
142	Cọc - Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
143	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
144	Đo chuyển vị ngang công trình	TCVN 9399:2012
145	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:92
146	Cọc - Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-2000
147	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng ngang – Thí nghiệm đẩy ngang	ASTM D3966-90
148	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng nhổ – Thí nghiệm đẩy nhổ	ASTM D3686-90
149	Thử khả năng chịu tải của ống cống bê tông cốt thép	TCVN 9113:2012
150	Thí nghiệm kéo neo hiện trường	ASTM D4435-08
151	Kiểm tra vữa dán gạch ốp lát	TCVN 336:2005
152	Thí nghiệm keo dán gạch	TCVN 7899:2008
153	Thử khả năng chịu tải và khả năng chống thấm của cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
	Thử nghiệm vữa xây dựng	
154	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:03;TCVN 9028:11
155	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03;TCVN 9028:11
156	Xác định khối lượng riêng của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
157	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03;TCVN 9028:11
158	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03;TCVN 9028:11
159	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2003
160	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:03;TCVN 9028:11
161	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:03;TCVN 9028:11
162	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
163	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-18:2003

164	Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:2011
165	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa trát sử dụng cho bề mặt ngoài khối xây	TCVN 9028:2011
166	Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 9028:2011
167	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8873:2012
168	Gạch gốm ốp lát – Vữa, keo chít mạch và dán gạch	TCVN 7899:2008
	Vữa dán gạch ốp lát	
169	Xác định: độ mịn, thời gan công tác, độ trượt, độ bám dính	TCXDVN 336 : 2005
	Phân tích hóa nước cho xây dựng	
170	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1998
171	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1998
172	Xác định độ PH	TCVN 6492:1999
173	Xác định hàm lượng clorua (Cl)	TCVN 6194:1996
174	Xác định hàm lượng Sunfat ($SO4^{-}$)	TCVN 6200;1996
175	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
176	Xác định màu và mùi	TCVN 4558:1998
177	Xác định váng dầu, mỡ	TCVN 2671:1978
	Thử nghiệm vôi can xi cho xây dựng	
178	Xác định: hàm lượng MgO, lượng mất khi nung	TCVN 2231:1989
179	Xác định hàm lượng (CaO + MgO) hoạt tính khi hàm lượng MgO trong vôi không lớn hơn 5%	TCVN 2231:1989
180	Xác định hàm lượng nước thủy hóa và hàm lượng CO_2	TCVN 2231:1989
181	Xác định: hàm lượng hạt không tôi, độ mịn của vôi bột	TCVN 2231:1989
182	Xác định độ ẩm của vôi hydrat	TCVN 2231:1989
	Thử nghiệm cơ lý gạch xây đất sét nung	
183	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN6355-1:2009
184	Xác định cường độ bền nén	TCVN6355-2:2009
185	Xác định cường độ bền uốn	TCVN6355-3:2009
186	Xác định độ hút nước	TCVN6355-4:2009
187	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5:2009
188	Xác định vết trọc do vôi	TCVN6355-6:2009
189	Xác định độ rỗng	TCVN6355-7:2009
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn	
190	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
191	Xác định: cường độ nén, cường độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:1999
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông	
192	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
193	Xác định: cường độ bền nén, độ rỗng, độ hút nước ,độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Gạch terrazzo	
194	Xác định: Độ hút nước, Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn sâu	TCVN 6476:1999
	Gạch ốp lát	
195	Xác định kích thước và hình học	TCVN 6415-2:2005
196	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2005
197	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2005
198	Xác định độ mài mòn sâu đối vói gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2005
199	Xác định độ mài mòn sâu đối vói gạch phủ men	TCVN 6415-7:2005
200	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2005
201	Xác định độ bền sốc nhệt	TCVN 6415-9:2005
202	Xác định hệ số giản nở ẩm	TCVN 6415-10:2005
203	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2005

204	Xác định độ bền băng giá	TCVN 6415-12:2005
205	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2005
206	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2005
207	Xác định độ cứng theo thang Morh	TCVN 6415-18:2005
	Gạch xi măng lát nền	
208	Kiểm tra ngoại quan	TCVN 6065:1995
209	Xácđịnh: độ hút nước, độ chịu lực xung kích, độ mài mòn, lực uốn gãy, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
210	Thử lát gạch Granito	TCVN 6065:1995
	Bê tông nhẹ - Gach bê tông bọt, khí không chưng áp	
211	Kiểm tra kích thước	TCVN 9030:2011
212	Xác định: độ vuông góc, độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, cường độ hút nước, hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2011
	Gạch granite	
213	Xác định: chất lượng bề mặt, độ hút nước, độ mài mòn, độ bền uốn	TCVN 6883 :2001
214	Xác định độ co khô	TCVN 6883 :2001
	Cơ lý bentonite	
215	Xác định: khối lượng riêng, độ nhớt, lực cắt tĩnh, hàm lượng cát	TCVN 9395:2012
216	Xác định: hàm lượng tỷ lệ chất keo, độ pH, tính ổn định	TCVN 9395:2012
217	Xác định hàm lượng nước mất và độ dày áo sét	TCVN 9395:2012
	Đá ốp lát nhận tạo	
218	Kiểm tra kích thước và khuyết tật goại quan	TCVN 8057:2009
219	Xác định: Độ hút nước, Khối lượng thể tích, Độ bền uốn, Độ mài mòn sâu, Độ cứng bề mặt	TCVN 8057:2009
	Đá ốp lát tự nhiên	
220	Kiểm tra kích thước và khuyết tật goại quan	TCVN 4732:2007
221	Xác định: Độ hút nước, Khối lượng thể tích , Độ bền uốn, Độ cứng vạch bề mặt, Độ mài mòn sâu	TCVN 4732:2007
	Thí nghiệm nhôm	
222	Sai lệch kích thước về hình dạng	TCVN 5841:1994
223	Cường độ chịu kéo	TCXDVN 330:2004
224	Độ dãn dài tương đối	TCXDVN 330:2004
225	Độ cứng HV	TCVN 257:2007
226	Dung sai kích thước chiều dày	TCXDVN 330:2004
227	Lớp phủ không từ trên nền từ - đo chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:1995
	Ống bê tông cốt thép	
228	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác	TCVN 9113:2012
229	Kiểm tra kích thước	TCVN 9113:2012
230	Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9113:2012
231	Kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 9113:2012
232	Thử khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9113:2012

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.